

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 466

Chủ giảng: Pháp Sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 24.6.2011

Địa Điểm: Cao Hùng -Đài Loan

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 586, hàng thứ 3 từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu đầu.

“Hữu đoạn kinh văn trung, vô bất viên mãn dĩ tiền thị tổng tán, thử hạ minh nhất thiết viên mãn chi nhân, thử tại cứu cánh minh liễu Phật chi mật tạng. Cố như tham thủy đắc nguyên, tầm chi đắc bản. Đắc kỳ căn bản, bất sàu chi mật. Cố vân đắc kỳ nhất, vạn sự tất dã”.

Người xưa nói lời này, rất nhiều chỗ là nói “thức đắc nhất”, thức là nhận thức “thức đắc nhất, vạn sự tất” và ở đây “đắc kỳ nhất, vạn sự tất” ý nghĩa tương đồng.

“Nhược năng liễu liễu thường tri Phật chi bản thể, tự nhiên điều phục chư căn, như thử ác kim cương vương bảo kiếm, lai giả câu trầm, tự diệt bất tôn, kiếm diệt phi kiếm. Cố thiện điều phục, thân tâm hòa thuận, thâm nhập chánh huệ, thân tâm câu điều, chánh huệ minh liễu, cố phiền não dư tập bất đoạn nhi đoạn”.

Đến đây là một đoạn. Ở trước trong kinh văn sau cùng là “vô bất viên mãn”, trước “vô bất viên mãn” này là tổng tán, sau “vô bất viên mãn” nói về nhân của tất cả viên mãn. Nhân là gì? Nhân là mật tạng rốt ráo minh liễu của Phật, điều này trước đây chúng ta đã dùng thời gian rất dài để học tập.

Mật trong Như Lai mật tạng này không phải là bí mật, mà là thâm mật. Nói cách khác, tri thức không thể đạt được, tri thức không thể lý giải được, nên nó trở thành mật. Cái gì có thể lý giải được nó? Trí huệ.

Trí huệ và tri thức là hai việc, không tương đồng. Trí huệ là vốn có trong tự tánh, không phải từ bên ngoài vào, đó là thật không phải giả. Tri thức không phải là thật, tri thức là từ bên ngoài mà có, gọi là do học và nhớ mà có, quý vị xem nhiều, nghe nhiều, nhớ nhiều đều thuộc về tri thức. Tri thức có tính giới hạn, nó không phải là tính phổ biến, nó có chướng ngại, nó không phải là vô ngại. Trí huệ thì khác, trí huệ vốn có trong tự tánh, nó không có tính giới hạn, nó không có chướng ngại, nó có thể giải quyết tất cả vấn đề mà không để lại di chứng nào về sau. Cho nên học thuật Đông phương lấy việc cầu trí huệ làm chủ yếu, không giống như Tây phương. Tây phương

200 năm gần đây là thuần túy tri thức, không tìm cầu trí năng nữa, hoàn toàn dùng tư duy, dùng tưởng tượng cầu được tri thức. Người Đông phương bây giờ cũng học theo người Tây phương rồi, đã lơ là truyền thống của mình, truyền thống là cầu trí huệ. Trí huệ từ đâu mà có? Phật giáo truyền đến Trung Quốc, có ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa nước này. Phật pháp nắm vững cương lĩnh này, nói rất rõ ràng. Ba môn học- giới, định, huệ, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, trí huệ từ đây mà có. Giới là gì? Là quy củ, quy luật. Giữ gìn quy củ thì tâm được định, định lâu ngày trí huệ tự nhiên khai mở. Đại thừa chủ trương giới định huệ, tiểu thừa cũng không rời giới định huệ. Khi truyền đến trung quốc, nho giáo sử dụng, đạo giáo cũng sử dụng. Điều giữ gìn tam học giới định huệ, thành tựu trí huệ chân thật. Ba môn học- giới định huệ là thật học, vì sao vậy? Vì đều là vốn có trong tự tánh, dùng tự tánh vốn có để khai quật trí huệ, đức năng, tướng hảo của tự tánh, điều này chắc chắn sẽ thành tựu. Cho nên tri thức vĩnh viễn không thể nào khai quật được trí huệ đức tướng của tự tánh, điều này chúng ta phải biết.

Mật tạng là gì? Mật tạng là tự tánh, đây là từ lý mà nói; từ sự mà nói thì mật tạng là A lại da. Nhưng A lại da hiện nay đã được các nhà khoa học phát hiện rồi, tuy phát hiện ra, biết được có việc này, nhưng không biết lý của nó. Ba tướng tế của A lại da được các nhà khoa học chứng minh, đích thực là có. Danh từ của khoa học là năng lượng, tin tức và vật chất, đây là ba tướng tế của A lại da. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da, tin tức là chuyển tướng của A lại da, vật chất là cảnh giới tướng của A lại da. Danh từ không giống nhau, nhưng sự việc hoàn toàn tương đồng. A lại da từ đâu mà có, nguyên nhân gì mà có, thì khoa học không biết, triết học cũng không biết. Trong giáo lý đại thừa nói rằng: “chỉ có chúng mới biết được”, quý vị chúng đắc quả vị Như Lai thì quý vị sẽ biết.

Khoa học, triết học có năng lực chứng đắc không? Năng lực đương nhiên là có, chỉ do họ không biết dùng mà thôi. Đại thừa dùng phương pháp gì để chứng đắc? Dùng phương pháp buông bỏ, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì chứng đắc, đơn giản hơn thí nghiệm của khoa học nhiều, cũng có hiệu quả hơn, quý vị có thể tìm được mật tạng của chư Phật.

Nêu ra ví dụ dưới đây: “như tham thủy đắc nguyên”, dò xét nguồn nước, đầu nguồn của sông ở đâu? Hình dáng là như thế nào? Đầu nguồn của sông Hoàng Hà là có, được con người tìm thấy rồi. “Tầm chi đắc bản”, tìm từ trên cành một cây đại thụ, tìm đến cuối cùng thì tìm thấy gốc, gốc là năng sanh năng hiện; mật tạng cũng là năng sanh năng hiện, năng sanh vạn pháp, năng hiện vạn tượng. “Đắc kỳ bản, tắc bất sầu chi mật”, quý vị hoàn toàn lãnh hội được; nếu quý vị tìm cầu ở cành lá, vậy thì rất khó, quý vị vĩnh viễn không tìm thấy gốc rễ. Gốc rễ chỉ có một, cành lá hoa quả thì rất nhiều. Trong kinh Hoa Nghiêm nói “một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều không hai”. Nghĩa là gì? Chính là ý này, nói với quý vị một là gốc, nói với quý vị

nhiều là cành là hoa quả. Tất cả cành lá hoa quả đều từ một gốc sinh ra, cho nên một tức là nhiều; tất cả cành lá hoa quả đều không rời khỏi gốc rễ, rời khỏi gốc rễ nó không thể sống được, cho nên nhiều tức là một, một và nhiều là nhất thể, một và nhiều nên hiểu cho rõ ràng minh bạch.

Thân thể này của chúng ta cùng với thiên địa vạn vật là nhiều, phẩm loại nhiều vô lượng vô biên vô số vô tận, nhưng chỉ là một gốc mà thôi. Gốc này là gì? Là mật tạng, chẳng có gì không phải là mật tạng sanh, chẳng có gì không phải là mật tạng hiển thị. Mật tạng chính là tự tánh, mật tạng chính là chân tâm, Như Lai tạng cũng từ nó mà có. Mật tạng là rễ, Như Lai tạng là gốc, gốc và rễ! Lý không rời mật tạng, sự không rời khỏi A Lại da. Quý vị sẽ hiểu rõ ràng tướng tận chư pháp thật tướng của vũ trụ. **Hiểu rõ rồi có lợi ích gì? Tâm được thanh tịnh, đối với vạn sự vạn tướng trong vũ trụ, quý vị không lo lắng, không bận lòng, không phiền não. Người chứng quả họ sẽ không chấp trước, không phân biệt, thậm chí đối với thiên địa vạn vật, họ không khởi tâm, không động niệm, đây chính là lợi ích, là điều tốt. Chúng ta tôn xưng họ là Phật Đà, gọi họ là pháp thân Bồ Tát, họ thật sự đã hiểu rõ ràng minh bạch, ở trong vũ trụ được tự tại, buông bỏ vạn duyên, không nhiễm chút bụi trần.**

Lục đạo mười pháp giới rõ ràng minh bạch trước mặt họ, họ đã vượt qua những cảnh giới này rồi. Nếu không hiểu rõ ràng minh bạch, chắc chắn bị mê trong lục đạo, mê trong tam đồ, thật sự không có ngày mong ra khỏi được, không có ngày thoát ra được, ở đây chịu khổ chịu nạn. Người đã vượt thoát, như chư Phật Bồ Tát, nhìn thấy những người chịu khổ chịu nạn này, hoàn toàn là việc trong mộng, không phải thật. Người hưởng phước thì mộng đó là ba đường lành, người chịu tội thì đó là ba đường ác, đều không phải thật. Người mê tự mình không biết, người giác ngộ rõ ràng minh bạch, cho nên họ ở bên cạnh nhưng làm ngơ không quan tâm đến quý vị. Họ khổ như vậy, họ đang chịu khổ, sao quý vị không giúp đỡ họ? Đó là giả không phải thật, đó chỉ là mộng thôi. Khi nào Phật Bồ tát đến giúp quý vị? Quý vị tin tưởng Thánh Hiền, tin tưởng Phật Bồ Tát, thì các Ngài sẽ đến giúp quý vị; quý vị bằng lòng hiểu Ngài, bằng lòng học theo Ngài, các Ngài sẽ đến. Nếu quý vị không thể hiểu Ngài, không bằng lòng học theo Ngài, Ngài sẽ không đến, Ngài đứng bên cạnh nhìn. Phật không đến, trong Phật pháp thường nói là không có duyên, Ngài đến cũng không ích gì, quý vị không tin, quý vị không thể tiếp nhận, cho nên Ngài không đến. Ngài đứng bên cạnh nhìn, nhìn quý vị tạo nghiệp thọ báo, đợi đến lúc quý vị thọ đủ rồi, đột nhiên nghĩ rằng mình không muốn làm nữa, thì Phật Bồ Tát đến. Ý nghĩ này vừa khởi, Phật Bồ Tát liền xuất hiện, đây gọi là đại từ đại bi, “vô duyên đại bi, đồng thể đại bi”. Ngài thị hiện cho quý vị thấy, quý vị thấy là hiểu, thấy là giác ngộ, thì quý vị được độ. Hạng người này gọi là hàng thượng thượng căn, không cần nói, chỉ thấy là hiểu ngay. Ba căn tánh thượng trung hạ, thì cần phải nói mới hiểu.

Hạng thượng thượng căn không cần nói, vì sao vậy? Vì những người này thực sự có năng lực “liễu liễu thường tri Phật tánh chi bản thể”. Bản thể là tịch diệt, tiếng Phạn gọi là niết bàn, dịch ra chữ Hán là tịch diệt. Tịch là thanh tịnh, trên đề kinh nói là “thanh tịnh bình đẳng giác”. Diệt thì sao? Diệt là diệt tất cả phiền não, tập khí, nhân quả, tất cả đều bất khả đắc. Cảnh giới này trong Tịnh Độ tông gọi là Thường Tịch Quang. Thường là hình dáng vĩnh viễn như vậy, chưa bao giờ có thay đổi. Tịch là tịch diệt. Quang là quang minh. Quang minh hiển thị trí huệ, trí huệ vốn có trong tự tánh hoàn toàn hiển lộ ra, chiếu kiến vạn pháp giai không, thật sự là “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”.

Cho nên tâm của Bồ tát định rồi, “tự nhiên điều phục chư căn”, chư căn là 6 căn-mắt tai mũi lưỡi thân và ý. Điều phục 6 căn như thế nào? 6 căn không còn vọng động nữa là điều phục, không phải không khởi tác dụng, có khởi tác dụng, mắt thấy, tai nghe, nhưng trong khi nghe khi thấy không khởi phân biệt, không khởi chấp trước, không khởi tâm động niệm, đây gọi là điều phục, đây gọi là chánh kiến- chánh kiến, chánh tư duy trong bát chánh đạo. Cảnh giới của người này là gì? Là cảnh giới của 41 vị pháp thân đại sĩ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tánh là bất động. Phạm có dao động là không kiến tánh. Tâm còn có động, còn nghĩ về quá khứ, nghĩ về tương lai, đều là tâm đang động. Khi tâm không động thì như thế nào? Khi tâm không động thì quá khứ, tương lai đều không có, chẳng những không có thời gian, mà không gian cũng không có. Cảnh giới này là cõi Thật Báo, cảnh giới này là Thường Tịch Quang, trong cõi Thật Báo còn có tập khí khởi tâm động niệm, Thường Tịch Quang thì ngay cả tập khí cũng không còn, đây gọi là tự nhiên điều phục chư căn.

Dưới đây nêu lên một ví dụ: “thí như thủ ác kim cang bảo ngọc kiềm”. Kim cang là kim loại sắc bén nhất, nó có thể chặt đứt tất cả vật, nhưng tất cả vật không thể chặt đứt nó, cho nên dùng nó để so sánh.

“Lai giả câu trăm, tự diệt tự tồn”. Lai giả là cảnh giới bên ngoài, cảnh giới đến như thế nào? Như như bất động, không khởi tâm động niệm. Bản thân thì sao? Bản thân cũng như vậy, bản thân cũng không động niệm, không cho rằng thân này là ta. Có ý niệm về cái ta này là sai rồi, 6 căn của quý vị đang tạo nghiệp, chỉ cần có cái ta tức là tạo nghiệp, huống gì những thứ khác? Cho nên nhà Phật tu hành, tu sửa tư tưởng hành vi bắt đầu là từ đâu? bắt đầu từ vô ngã.

Trong kinh Kim Cang nói: trước phá bốn tướng gồm có: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nghĩa bóng của chúng sanh tướng là không gian, ý nghĩa của thọ giả tướng là thời gian, dùng thời gian và không gian để bao hàm tất cả vạn sự vạn vật, nó không rời thời gian và không gian, thời gian không gian không còn nữa, thì đương nhiên vạn sự vạn vật cũng không tồn tại, toàn là giả.

Vạn pháp giai không, không cũng bất khả đắc, không cũng là không, không được chấp trước có cái không này, không được nghĩ có cái không này, có ý nghĩ như vậy là sai.

Hai câu sau cùng nói: “tự diệc bất tôn, kiếm diệc phi kiếm”. Kiếm là tượng trưng cho trí huệ. “Cố thiện điều phục”, nghĩa là khéo điều phục. Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, đoạn thứ tư là nói về tứ đức, đức là tác dụng. Đức thứ nhất là “tùy duyên diệu dụng”, tùy duyên như Bồ Tát Phổ Hiền trong Thập Đại Nguyên Vương dạy chúng ta: “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Tùy duyên diệu dụng, diệu dụng là gì? Diệu dụng ở đây nói là khéo điều phục, diệu dụng, họ không tạo nghiệp.

Phàm phu chúng ta tùy duyên nhưng không diệu, tùy thiện duyên tạo thiện nghiệp, gặp được quả báo trong ba đường lành; tùy ác duyên tạo nghiệp ác, chiêu cảm quả báo trong ba đường ác, tác dụng này không diệu. Diệu là tùy duyên bất biến, diệu là diệu ở điểm này. Bất biến có thể tùy duyên, tùy duyên có thể bất biến. Bất biến dựa vào đâu? Nương vào định, nương vào huệ. Không có định huệ thì họ sẽ loạn, họ sẽ biến, tùy duyên tùy biến. Thông thường chúng ta nói “tâm tùy cảnh chuyển”, đây là tùy duyên tùy biến. Tâm không tùy cảnh giới bên ngoài chuyển, đó gọi là công phu, người nào đó có tu tập, có định công, bất luận là thiện duyên, ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, họ cũng như như bất động. Vì sao họ bất động? Vì họ biết được thật tướng của các pháp, tâm của họ trú ở trong thật tướng của các pháp. Thật tướng của các pháp chính là mật tạng, không bị cảnh giới bên ngoài làm lay động, cho nên họ không sanh phiền não, mà thường sanh trí huệ. Họ có thể làm chủ tể trong cảnh duyên, không sợ hãi, không hoảng loạn, đây gọi là khéo điều phục. Vĩnh viễn giữ được thân tâm hòa thuận. Hòa là tánh đức, trong tự tánh gọi là thái hòa, đại hòa. Muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới không tìm ra một sự xung đột, đây là thật. Vì sao tìm không ra xung đột? Vì biến pháp giới hư không giới và chúng ta là một thể. Một thì trong đó không có xung đột, thì không có mâu thuẫn; hai là có xung đột thì có mâu thuẫn, đạo lý này rất sâu, nhưng không phải là khó hiểu.

Chư Phật Như Lai, thiên địa quỷ thần, muôn sự muôn vật cùng với ta là nhất thể, thì xung đột từ đâu mà có chứ? Xung đột còn có tên gọi khác là tăng ái, quý vị xem hai chữ này có phải là tượng trưng cho xung đột không? Ái là quý vị thích nó, tăng là quý vị ghét nó, như vậy là trở thành xung đột; không có tăng ái, thì không có xung đột. Sự sanh trụ dị diệt và thành trụ hoại không của muôn sự muôn vật là hiện tượng tự nhiên, không có ái tăng.

Thế giới Cực Lạc phong điều vũ thuận. Địa cầu của chúng ta nhiều thiên tai như vậy. Không có ái tăng, dân cư ở thế giới Cực lạc đều là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, không mê. Dân cư ở thế gian chúng ta là tâm loạn, tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm tự tư tự lợi, tâm tổn người hại vật, rất nhiều rất nhiều, làm cho tạp loạn rồi. Những tâm này bất luận là tịnh hay nhiễm, thiện hay ác đều

không rời mật tạng, rời mật tạng thì chẳng có pháp nào để đắc. Cho nên khéo điều phục là quan trọng, khéo điều phục là tu tập, khéo điều phục là tu hành. Chúng ta hy vọng mình với chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát, có cùng một cảnh giới, có thọ dụng bình đẳng. Nên biết rằng, trong tánh đức chúng ta viên mãn không khiếm khuyết, vấn đề bây giờ thì sao? Là ở chỗ tu đức, chúng ta sai rồi.

Các ngài là thuận phương hướng tùy thuận phước đức tu, chúng ta ngày nay là nghịch phương hướng tu, hoàn toàn trái với tánh đức, cho nên phát sanh hiệu quả hoàn toàn bất đồng. Thuận theo tánh đức tu hiệu quả xuất hiện là thế giới Cực Lạc; trái với tánh đức tu hiệu quả không xuất hiện, xã hội loạn động, nhân dân khổ không kể xiết, nơi cư trú thiên tai dòn dập, hiện tượng này xuất hiện. Bây giờ hiểu rõ lý rồi, sự biến hóa của sự cũng đã rõ, chúng ta có thể làm theo lời giáo huấn trong kinh, thực hành theo là quay đầu rồi, quay đầu là bờ, mới có thể “thâm nhập chánh huệ”.

“Thân tâm câu điều, chánh huệ minh liễu, có phiền não dư tập bất đoạn nhi đoạn”. Tự nhiên đoạn rồi, tích cực thêm chút nữa. “Chí nguyện vô thượng, tùy thuận Như Lai, y Phật chi giáo, hành Phật sở hành”. Quý vị hướng đến đại viên mãn, chí nguyện vô thượng là: trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đây là chí nguyện. Phát nguyện rồi phải hành, nếu không hành thì nguyện đó biến thành nguyện suông; Nguyện ở trước hướng dẫn, ở sau là thực tiễn lời nguyện đó. Vậy chúng ta phải tìm một tấm gương tốt, tấm gương tốt nhất là Như Lai, chúng ta tùy thuận Như Lai, tùy thuận lời dạy của Như Lai, sanh tâm tôn trọng đối với kinh điển. Vì sao vậy? Vì tất cả lời dạy của Như Lai đều ghi lại trong kinh điển. Có được kinh điển chính là có được lời dạy của Như Lai. Học từ trong kinh điển, đem những lý luận trong kinh điển biến thành tư tưởng kiến giải của mình, đem lời giáo huấn trong kinh điển biến thành hành vi trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, đây gọi là tu hành, đây gọi là làm điều Phật làm.

“Cổ dĩ thất giác thánh đạo vi sở lý tiền”. Đây là nói về 37 phẩm trợ đạo, 37 phẩm trợ đạo này thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong đời nhân xử thế, quý vị có thể được xưng là Phật sống. Quý vị đã thành Phật, bây giờ quý vị còn sống ở thế gian, quý vị xem tâm của quý vị là tâm Phật, nguyện là nguyện của Phật- thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh, đức là đức của Phật, huệ là huệ của Phật, hạnh là hạnh của Phật. Thất giác chi, bát thánh đạo, trong cuộc sống hàng ngày, quý vị thị hiện cho tất cả chúng sanh thấy, giảng giải cho tất cả chúng sanh nghe tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của 37 loại này. Cho nên gọi là “sở lý tiền”, mỗi bước đều không rời quy củ, quy củ này là 37 phẩm trợ đạo.

“Phật ngữ nhãn vi sở tu tập. Chiếu chân đạt tục, tòng dung trung đạo”. Quý vị thực hành 37 phẩm trợ đạo, cũng có nghĩa là nguyên tắc hành vi của quý vị. Còn ngữ nhãn là quán chiếu của quý vị, đại sư Chương Gia gọi là nhìn thấu, ngữ nhãn nhìn thấu,

37 phẩm trợ đạo giúp quý vị buông bỏ. “Chiếu chân đạt tục, tòng dung trung đạo”, tòng dung là an ổn, không hoang mang, vững chắc trong hành đạo. Chiếu chân là lý, đạt tục là dụng.

“Tinh tấn bất dĩ, tác minh bản Phật nhãn, giác liễu pháp tánh”. Tinh tấn bất dĩ tức là hiểu rõ Phật nhãn mình vốn sẵn có, không phải từ được bên ngoài. Trí huệ của Phật là Phật tri, Phật nhãn là Phật kiến, trong kinh Pháp Hoa nói: “Phật tri Phật kiến”, đều vốn sẵn có trong tự tánh. “Giác liễu pháp tánh, cứu cánh chứng nhập Như Lai mật tạng”. Mật tạng chính là tự tánh, là căn bản của tất cả pháp ở thế gian.

Ngày nay chúng ta mê, mê thời gian quá dài, mê quá sâu, không phải khuyên một hai lần là chúng ta quay đầu. Chúng ta phải trải qua 1000 lần khuyên bảo, mười ngàn lần khuyên bảo, quay đầu được xem như là người có căn tánh lớn rồi, là không phải người thường. Người thường là như thế nào? Trong đời này họ có cơ hội gặp được Phật pháp, Phật khuyên họ một đời mà không tỉnh ngộ, vẫn tạo nghiệp, vẫn trôi lăn trong luân hồi. Kiếp sau nếu được làm người lại nghe được Phật pháp, Phật lại khuyên họ một đời cũng không khai ngộ. Vậy thì chúng ta biết rằng, trong đời này gặp được Phật pháp, nghe Phật pháp có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể tin, nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, thì người này giống như trong kinh Kim Cang nói, tuyệt đối họ không phải trong 3-4-5 kiếp trước trồng thiện căn, mà là gì? Họ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trong vô lượng kiếp tích lũy thiện căn phước đức nhân duyên, ngày nay thành thực, rất đáng chúc mừng cho họ. Cho nên chúng ta biết rằng, đời này chúng ta không khai ngộ là rất bình thường, vì sao vậy? Vì trong kiếp quá khứ không trồng thiện căn phước đức lớn như vậy.

Nhưng Phật pháp không có định pháp, hoàn toàn là sống động, trong kiếp quá khứ không trồng thiện căn sâu dày, nếu có một- hai kiếp thì cũng có thể, đời này chúng ta đã gặp rồi, có thành tựu được không? Đây là pháp bất định. Đại sư Thiện Đạo nói rất hay: “ở chỗ gặp duyên không giống nhau”. Câu này giải thích rất hay, phước đức nhân duyên trong kiếp quá khứ không được sâu dày, kiếp này gặp được duyên vô cùng thù thắng, thì cũng có thể thành công. Nếu đời này gặp duyên không tốt, đời này không thể thành tựu, bởi thiện căn phước đức nhân duyên của quý vị không đủ. Gặp được duyên thù thắng, đủ để bù lại thiện căn phước đức nhân duyên còn thiếu của quý vị, điều này rất hay.

Nếu chúng ta muốn hỏi, phước duyên thiện căn là gì? Trong đời của quý vị gặp được một thiện hữu mà trong tâm của quý vị khâm phục nhất, thiện hữu này có thể là thầy của quý vị, có thể là bạn học của quý vị, không nhất định là địa vị nào. Trong tâm quý vị kính phục họ nhất, tin tưởng họ nhất, không chút hoài nghi về họ, đây gọi là chân thiện tri thức. Quý vị có duyên gặp được, họ dạy quý vị niệm Phật quý vị tin, họ giảng kinh cho quý vị quý vị hiểu được, họ dạy quý vị cách học như thế nào quý vị

cũng chịu nghe, trong đời này quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc là thành tựu rồi, đây là thật không phải giả.

Tôi là một điển hình, lúc trẻ tôi rất công cao ngã mạn, không phục ai, trong ngôn luận tôi có rất nhiều đạo lý không chân chánh, tự cho mình là đúng. Nhưng tôi gặp được ba người, đều là từ trong tâm tôi khâm phục họ, nghe họ. Thầy Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, lão cư sĩ Lý Bình Nam, đây chính là câu đại sư Thiện Đạo nói: “gặp duyên bất đồng”.

Nếu tôi không gặp được ba vị này, thì tôi đi con đường nào? Ba đường ác, không phải tôi đi con đường phước huệ, không phải tôi đi con đường này, mà tôi đi ba đường ác. Gặp được ba vị thầy này, đã chuyển đổi toàn bộ quan niệm, tư tưởng, phương hướng, mục tiêu của tôi. Lúc đó chuyển đổi không phải là Tịnh Độ tông mà là đại thừa. Điều này nói lên rằng trong kiếp quá khứ tôi đã từng học qua đại thừa, tuy nhiên đã bị mê hơn 20 năm, có người nhắc nhở, sanh tâm hứng thú, hứng thú rất sâu dày. Từ trong đại thừa tôi mới tin Tịnh Độ, thật không dễ chút nào! Thầy Lý tận tình giới thiệu Tịnh Độ cho tôi, tôi hiểu, tôi cảm ơn, tôi không phản đối, nhưng tôi không muốn học pháp môn này. Nguyên nhân vì sao? Vì tôi thật sự không hiểu được rõ ràng về Tịnh Độ, kinh điển Tịnh Độ này nói rất rõ ràng minh bạch, quả thực không dễ.

Tôi thật sự tin là từ 53 lần tham vấn trong kinh Hoa Nghiêm, từ chương 25 Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm, phát hiện pháp môn đặc biệt của ngài Quan Âm và ngài Thế Chí. Nếu không phải là nền tảng của những đại kinh đại luận, Tịnh Độ Tông không có những vị như ngài Liên Trì ngài Ngẫu Ích, thì tôi không quy y. Bắt đầu từ khi tôi học Phật cho đến lúc theo Tịnh Độ tông, học Phật khoảng hơn 20 năm tôi mới thật sự tin. Cho nên tôi khẳng định lời chư Phật Như Lai nói, pháp môn này là pháp môn khó tin, rất khó tin! Những lớp trẻ bây giờ tư tưởng khoa học đầy đủ, điều khó trong khó, nếu nghe được mà họ tiếp nhận, tin tưởng, thì họ đại thiện căn, đại phước đức. Vấn đề ở chỗ họ có đại nhân duyên hay không? Nếu họ có đại nhân duyên, thì đời này họ sẽ thành tựu. Không có đại nhân duyên, tuy có đại thiện căn, đại phước đức, có vãng sanh được hay không thì không nhất định, vẫn chưa biết, có thể sanh Tịnh Độ, cũng có thể không sanh Tịnh Độ.

Câu cuối cùng. “Tinh tấn bất dĩ, tắc minh bản Phật nhân, giác liễu pháp tánh, cứu cánh chứng nhập Như Lai tạng mật, cố tri nhất thiết diệu đức, vô bất đạo nguyên u Phật chi mật tạng. Nhất nhất diệu đức, vô bất hoàn quy thử mật tạng”.

Câu này nói hay quá, tôi cũng nói qua mấy lần, đây là một sự tuần hoàn lớn. Nhất niệm bất giác mà có vô minh, là bắt đầu mê rồi, mê rồi càng mê càng sâu, đọa lạc vào lục đạo, ở trong lục đạo không có ngày ra. Vì có bản giác, nghĩa là chúng ta có thể trở lại căn nguyên, bản giác là mật tạng. Không cố định lúc nào gặp duyên, nó phóng một tia sáng, thời gian tuy ngắn, nhưng rất đáng quý, gọi là nhất niệm giác,

niệm thứ hai lại mê rồi. Nhất niệm giác đó rất đáng quý, vì sao vậy? Vì có niệm thứ nhất thì có niệm thứ hai, có niệm thứ hai sẽ có niệm thứ ba, hi vọng giác ngộ dần dần tăng trưởng, giác tăng trưởng, thì mê giảm xuống, giác là quang minh, mê là đen tối. Cần phải có thời gian rất dài rất dài, trong kinh Phật nói là vô lượng kiếp, trải qua vô lượng kiếp, quang minh bản giác của quý vị dần dần khởi chút tác dụng, lúc này tự nhiên cảm thấy chư Phật Bồ Tát đến giúp quý vị, gọi là chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát có ứng. Phật Bồ Tát ứng thân đến giúp quý vị, cần thân gì để được độ thì hiện thân đó, không phải là ý của Phật Bồ Tát, mà là ý của chúng ta. Phật hiện thân gì, Phật nói pháp gì đều hoàn toàn tùy thuận chúng ta. Bản thân Phật không có bất kỳ ý nghĩ nào, tức là Ngài không có thành kiến, có thành kiến là không thể tùy thuận, không có thành kiến thì có thể hằng thuận chúng sanh. Cuối cùng giúp quý vị tu hành chứng quả, chúng đến địa vị Diệu giác lại hồi quy mật tạng này, đi một vòng lớn lại trở về điểm khởi đầu.

Có người hỏi, đây không phải là hỏi tôi, trong kinh Lăng Nghiêm có người hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni, sau khi trở về đến điểm khởi đầu rồi, nghĩa là chúng được qua vị Diệu Giác, thì có mê nữa không? Đây là một vấn đề. Hình như là trong hội Lăng Nghiêm tôn giả Phú Lô Na hỏi Phật. Phật bảo tôn giả: không còn mê nữa. Phật nêu lên một ví dụ, ví như vàng, là từ trong quặng sắt tinh luyện ra, sau khi luyện thành vàng ròng rồi, nó sẽ không biến thành quặng sắt nữa, đức Phật dùng ví dụ này, vì sao vậy? Vì nó đã qua tôi luyện. Chúng ta có thể nghĩ đến, chúng ta dùng ví dụ của Phật để nói mỏ vàng, lấy quặng đem đi luyện, cặn bã trong quặng này đã lọc sạch rồi, thì vàng ròng hiện ra. Quặng sắt chưa qua tinh luyện, giống như vô lượng vô biên lục đạo chúng sanh trong quốc độ của chư Phật, vẫn chưa thành tựu. Đã luyện thành vàng thì không ít, nhưng số lượng chưa qua tinh luyện, cũng không ít hơn số lượng đã thành vàng này, đây là chúng ta dùng kiến thức thông thường suy luận có thể tưởng tượng được.

Tinh luyện tức là tu hành! Thời gian phạm phu tu hành thành Phật rất dài, nguyên nhân tại sao? Vì có tiến có thoái, thông thường mà nói thì tiến ít, thoái nhiều, gọi là bồ đề đạo khó hành. Nếu chỉ có tiến mà không thoái, thì chúng sanh thành Phật không khó. Chỉ có tiến mà không có thoái, thì chỉ có một nơi, một đạo tràng, tức là thế giới Cực Lạc, vãng sanh thế giới Cực Lạc, mặc dù là cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh họ cũng không thoái chuyển. Không giống thế giới chúng ta, đời này gặp được Phật pháp xuất gia tu hành, tu không tốt vẫn đọa địa ngục, khi đọa địa ngục thì mức độ thoái chuyển lớn. Ra khỏi địa ngục là tu đến địa vị bây giờ, mất bao lâu thời gian? Cho nên người xưa nói “lỡ chân một bước, ân hận suốt đời”, sự hình dung này không giả chút nào.

Ngày nay chúng ta gặp được duyên, duyên này có thể nói là vô cùng thù thắng, nhất định vượt qua quá khứ. Phật pháp truyền vào Trung Quốc 2000 năm, đây là thật

không phải giả. Vì sao? Trong 2000 năm này, mọi người cảm thấy rất tiếc vì kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông không có bản hay. 5 loại bản dịch gốc người đọc rồi đều biết, 5 loại sách này đọc rất phiền phức, không dễ, cho nên mức độ hứng thú học tập giảm xuống. Tịnh Độ tông của Trung Quốc 95% trở lên đều dùng kinh A Di Đà, mọi người không dùng kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh thứ nhất của Tịnh Độ tông, chính vì không có bản dịch hay, nên chướng ngại cho sự học tập. Kinh A Di Đà rất hay, đến triều đại nhà Minh mới có Sớ Sao của đại sư Liên Trì, Viên Trung Sao của đại sư U Khê, Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, đây là ba chú giải lớn của kinh A Di Đà.

Đại sư Liên Trì phục hưng Tịnh Độ đến nay đã xấp xỉ 400 năm, trong 400 năm người niệm Phật vãng sanh, phải cảm ơn ân đức của Ngài. Bởi kinh Vô Lượng Thọ không có bản dịch hay, cho nên người xưa cảm thấy cần phải có hội tập. Cư sĩ Vương Long Thư triều đại nhà Tống làm công việc hội tập, ông làm rất tốt. Các vị tổ sư hoàng dương Tịnh Tông, trích dẫn kinh văn trong Kinh Vô Lượng Thọ, đại sư Liên Trì cũng trích dẫn hội tập bản của cư sĩ Vương Long Thư, cho thấy rằng sự ảnh hưởng của hội tập bản đã triển khai rất rộng rãi. Nhưng bản của Vương Long Thư không được viên mãn, trong Tạng Kinh còn có 5 bản dịch gốc, ông ta chỉ thấy được 4 bản, cho nên hội tập bản này chưa được hoàn chỉnh, trong đó còn thiếu. Ví dụ rõ nhất là Liên Hoa Hóa Sanh, câu kinh văn này chỉ trong bản của Đường dịch có mà thôi, những quyển khác không có, điều này rất quan trọng. Mãi đến năm Hàm Phong triều đại nhà Thanh, Ngụy Mặc Thâm làm hội tập lần thứ hai. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư phát tâm làm hội tập bản, động cơ làm bản hội tập này là từ linh cảm trong bản Ngụy dịch. Ông vốn là chỉ muốn đem bản Ngụy dịch này hiệu đính lại lần nữa, có những chỗ không đủ thì thêm vào, làm công việc này. Bản đầu tiên chúng tôi đã thấy rồi, sau đó cảm thấy không thỏa đáng, lại hội tập lần nữa, là quyển bây giờ chúng ta đang học đây. Ông bỏ ra thời gian 10 năm để hoàn thành bản hội tập này, đây mới là bản dịch hay của kinh Vô lượng Thọ. Những người này không phải là phàm phu, phàm phu không làm được công việc này.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là người thừa kế của cư sĩ Hạ, chính tai nghe cư sĩ Hạ giảng bản này, ông nói với tôi, lúc bấy giờ ông ghi chép rất nhiều, đáng tiếc là toàn bộ đều bị hỏng. Ngày nay chúng ta nghĩ có lẽ đó là ý trời, nếu như số liệu đó vẫn còn, thì giảng nghĩa hôm nay, Bình Đăng Giác Kinh Giải này không phải là như thế này rồi. Những thứ đó mất đi, ông cũng không nhớ được, cho nên dùng phương pháp khác, lấy kinh chú thích kinh, đây là phương pháp của cư sĩ Đinh Phúc Bảo, một câu kinh văn có nhiều loại chú thích, trong các loại kinh sách nói như thế nào, đều sưu tập hết- tập chú giải chi đại thành, cũng trở thành bản hội tập, lời chú giải bản hội tập, điều này rất khó. Khiến cho chúng ta thấy bộ chú giải này, thì thấy được hơn 190 loại kinh luận chú sớ, thật là không thể nghĩ bàn. Bản thân ông, thấy được rất ít rất ít. Đây là để cho thời hiện đại của chúng ta cảm thấy vô cùng hoan hỷ.

Người xưa dạy chúng ta “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, một bộ kinh này là đủ rồi. Vì sao vậy? Vì đại thừa tiêu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn giáo môn, những giáo nghĩa này đều ở trong đó. Bộ kinh này giống như Tiểu Tạng kinh vậy, không riêng gì Tịnh Độ, tổng phương hướng mục tiêu là Tịnh Độ, nghiên cứu về một đời giáo hóa của Thế Tôn, chúng ta đều đã học rồi. Cho nên tôi tin rằng 9 ngàn năm thời mật pháp, đạt được bộ kinh này là đạt được đại viên mãn.

Chúng ta xem câu cuối cùng này, “nhất nhất diệu đức, vô bất hoàn quy thử mật tạng”. Câu này rất đậm mùi đạo vị! Mời xem đoạn kinh văn dưới đây, đây là nói về lợi tha hành mãn.

“Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, thiện giải thế gian, vô biên phương tiện, sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị, độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh pháp, vô tướng vô vi, vô phược vô thoát, vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo, u sở thọ dụng, giai vô nhiếp thủ, biến du Phật sát, vô ái vô yếm, diệc vô hy cầu. bất hy cầu tướng, diệc vô bỉ ngã, vi oán chi tướng. Hà dĩ cố? bị chư Bồ Tát, u nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi, lợi ích tâm cố, xã ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức, dĩ vô ngại huệ, giải pháp như như, thiện tri tập diệt, âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, lạc tại chánh luận”.

Đoạn này, phẩm thứ nhất trong kinh là đoạn thứ hai, chú giải của cư sĩ Niệm nói “nhị” là đoạn thứ hai. Đoạn thứ hai thuyết minh Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, những vị pháp thân đại sĩ này, “lợi tha thánh hành, công đức viên mãn, thử trung phục hàm tam nghĩa”. Phân thành ba đoạn: Đoạn thứ nhất “diễn thuyết diệu pháp”. Đoạn thứ hai “du chư Phật sát”. Đoạn thứ ba “phổ lợi chúng sanh”. “Thượng chi tam giả hỏ tương hàm nhiếp”. Đây chính là một tức là ba, ba tức là một. Từ biện tài tổng trì đến viễn ly điên đảo”, đây là đoạn thứ nhất, chúng ta phân khoa đây là tiểu khoa. Trí huệ, biện tài, thuyết pháp, “tiêu Bồ Tát huệ biện đức”, công đức trí huệ, biện tài. “Biện tài tổng trì Ngụy Dịch”, bản dịch của Khương Tăng Khải, “tác cụ chư biện tài. Cố tri tổng đồng bỉ cụ chư chi nghĩa”. Bản hội tập này là dùng biện tài tổng trì, bản Ngụy dịch gọi là “cụ chư biện tài”. “Biểu bỉ độ đại sĩ cụ túc chủng chủng biện tài”, chúng ta nói biện tài vô ngại, biện tài không có chướng ngại.

“Hựu tổng trì tức thị đà la ni, cố diệc khả giải vi đặc biện tài đà la ni dã. Hạ vân tự tại vô ngại, biểu Bồ Tát sở cụ nãi vô ngại chi thắng biện”. Thắng là thù thắng, biện tài thù thắng vô chướng ngại, thuyết pháp phải cần đầy đủ, không có biện tài thì làm sao thuyết pháp? Cho nên nói biện tài là nền tảng quan trọng nhất của thuyết pháp. “Vô ngại biện giả”, trong kinh có hai loại kiến giải, một là có tứ vô ngại biện, hai là cứu vô ngại biện.

Tứ vô ngại biện, cũng gọi là tứ vô ngại trí, tứ vô ngại giải, là trí biện của Bồ Tát thuyết pháp. Từ ý nghiệp mà nói thì gọi là giải, hoặc là trí. Từ khẩu nghiệp mà nói thì

gọi biện. Biện này có bốn. Như kinh Niết Bàn Bồ Tát nói chúng được tứ vô ngại: pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại.

Đây là một số trong chú giảng và diễn giảng của các vị tổ sư, trích dẫn phổ biến nhất chính là tứ vô ngại, đoạn này đã nêu ra, trong kinh Niết Bàn nói. Ý ở trước không khó hiểu, chúng ta xem đều hiểu được, vì sao gọi là giải, vì sao gọi là trí, vì sao gọi là biện, là từ thân khẩu ý bất đồng mà có những danh từ này.

Trong kinh Niết Bàn nói Bồ Tát được bốn loại vô ngại biện tài. Thứ nhất là “pháp”. Pháp là tất cả pháp. Đức Phật dạy học đem những thứ trong vũ trụ, bây giờ gọi là vũ trụ, trong Phật pháp gọi là biến pháp giới hư không giới, trong này có tất cả, dùng một chữ “pháp” làm tổng đại danh từ. Cho nên ý nghĩa của pháp rất rộng, thông thường chúng ta phân ra nhỏ một chút, phân thành 6 loại kiến giải, phân thành 6 loại lớn mọi người hiểu dễ dàng hơn. Trong sáu loại này thứ nhất là tự tánh. Tánh là thể, tự tánh năng sanh năng hiện, đây là tánh. Thứ hai là nói về tướng, tướng là hiện tượng, hiện tượng là sở sanh sở hiện. Nếu đem A Lại da thêm vào để nói, thì A lại da là năng biến, đối tượng của nó là sở biến. Trong giáo lý đại thừa thường nói “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, trong kinh Hoa Nghiêm nói như vậy. Tất cả pháp, biến pháp giới hư không giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, đều không sót, dùng cái này làm tổng đại danh từ. Năng hiện năng sanh là tâm tánh, năng biến là A lại da, A lại da là vọng tâm, vọng tâm năng biến, chân tâm năng hiện năng sanh. Còn vạn pháp thì sao? Là sở sanh sở hiện sở biến, sở biến đặc biệt ở mười pháp giới, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là thức biến. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai không có thức, tất cả đại chúng đều đã chuyển thức thành trí, không có thức. Cho nên trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm không có biến hóa, thọ mạng rất dài, vĩnh hằng bất biến. Bất biến, Phật pháp cho đó là chân, biến đổi là giả, biến đổi gọi là vô thường, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là vô thường, bởi nó biến đổi trong từng sát na, cõi Thật Báo thì bất biến, đạo lý là ở chỗ này. Cho nên nói tánh, nói tướng.

Thứ hai là nói về sự, nói về lý. Sự là vạn pháp, lý là tâm tánh, thức cũng được xem như là lý, bởi nó năng biến. Một cái nữa là nhân quả, dùng tánh tướng, lý sự, nhân quả để bao hàm tất cả pháp. Nhưng chữ pháp này, trong chữ pháp lại bao hàm tánh tướng, lý sự, nhân quả, tất cả đều là pháp, dùng chữ này làm tượng trưng cho tất cả.

Quý vị nên biết, đạo lý của nhân quả rất sâu, nhân quả từ đâu mà có? Bây giờ đối với việc này chúng ta cũng đã hiểu được đôi chút, thật hiếm có. Đức Phật dạy, tất cả pháp trong vũ trụ tự đâu mà có? Trong kinh đại thừa thường nói: “nhất niệm bất giác mà có vô minh”, lại nói: “vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trường lục thô”. Ba tướng tế của A lại da, lục tướng thô thì biến thành y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, nói nguồn gốc của vũ trụ. Nhất niệm bất giác ban đầu không có

lý do, chẳng những không có lý do mà cũng không có sự bắt đầu, cho nên vô minh, vô minh tức là hiện tượng dao động trong khoa học ngày nay nói. Phải biết rằng tâm tánh là bất động, đại sư Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”. Đây gọi là gì? Là tự tánh bản định, tự tánh là bất động. Động thì không phải là tự tánh, động là gì? Động chính là A lại da. A lại da thực sự là từ trong tự tánh biến hiện ra, nó không có lý do, nó không có bắt đầu, cho nên vô minh gọi là “vô thi vô minh”. Nếu có thi có chung thì đó là thật. Nguồn gốc của vạn vật trong vũ trụ là giả, nên hiện tượng làm sao có thật được? Cho nên câu này của Phật đã nói hết ý nghĩa của nó: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, điều này cần phải biết. Trong câu này, không những đã nói hết lục đạo trong mười pháp giới, mà ngay cả cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng không ngoại lệ, vì trong kinh điển không nói rằng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, trừ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai ra, không nói như vậy. Không nói như vậy thì cõi Thật Báo cũng là hư vọng rồi.

Chúng ta đã biết cõi Thật Báo từ đâu mà có? Tập khí vô thi vô minh chưa đoạn sẽ hiện cảnh tượng này. Tập khí đoạn rồi, thì cõi Thật Báo không còn nữa, sẽ xuất hiện điều gì? Xuất hiện Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang mới là vĩnh hằng bất biến. Thường Tịch Quang chính là tự tánh, trong Thường Tịch Quang không có hiện tượng gì cả, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, ngay cả hiện tượng tự nhiên cũng không có, cho nên khoa học, triết học không cách nào phát hiện nó được. Vì sao vậy? Vì khoa học, triết học phải có đối tượng mới có thể phát hiện ra. Thường Tịch Quang không có đối tượng, tức là trong chân tâm tự tánh không có bất kỳ hiện tượng nào, cho nên chỉ có chứng mới biết được. Quý vị phải đem vọng tưởng chấp trước, tức là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước buông bỏ hết, thì quý vị thấy nó thật có, nó không phải là giả.

Ngày nay chúng ta tiếp xúc hiện tượng, ba loại hiện tượng này chúng ta tiếp xúc được, năng hiện năng sanh là tâm tánh, nhìn thấy hiện tượng này thiên biến vạn hóa là A lại da khởi tác dụng, là vọng tâm. Vọng tâm năng biến, chân tâm năng hiện, đây là mật tạng. Quý vị phải hiểu rõ điều này, thì quý vị đối với cảnh giới bên ngoài hốt nhiên đại ngộ. Vì sao? Vì không chấp trước nó nữa, có thì tốt, không có cũng tốt, quý vị tuyệt đối không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, là quý vị ở trong chân thật huệ. Kinh Vô Lượng Thọ nói về ba điều chân thật, quý vị ở cảnh giới chân thật, quý vị đạt được chân thật lợi ích.

Hai chữ chân thật này phàm phu không hiểu, chẳng những lục đạo chúng sanh không hiểu, mà ngay cả pháp giới Tứ thánh cũng không hiểu. Ngày nay chúng ta thấy trong kinh ba câu này, chỉ là một khái niệm mơ hồ, có khái niệm là sai rồi. Công phu chân thật, lợi ích chân thật là buông bỏ tất cả. Không buông bỏ được, nhất định phải học cách đạu bạc, bắt đầu làm từ đâu? Làm từ dục vọng. Không được có dục vọng, dục vọng hoàn toàn là hư vọng, tức là chúng ta muốn, chúng ta học Phật muốn được

thành Phật, muốn nhập cảnh giới của Phật, đều là hư vọng. Thực sự không bằng ông già bà lão chân thật niệm câu A Di Đà Phật, câu A Di Đà Phật đó viên mãn đầy đủ ba loại chân thật. Ba loại chân thật này người trí huệ thông minh của thế gian hoàn toàn không có, quý vị hiểu được sao? Vì sao họ hoàn toàn không có? Vì họ quá thông minh. Người chân thật có, người thật sự thông minh có, tức là: “thượng trí dữ hạ ngu bất di”, lời này rất có lý, hàng thượng thượng trí biết được, kẻ hạ ngu tuy không biết, nhưng ám hợp đạo diệu.

Đoạn ở giữa này số phần tử tri thức nhiều nhất, đức Phật giáo hóa số chúng sanh này là khó giáo hóa nhất, cho nên Phật 49 năm giảng kinh dạy học là vì những người này. Không phải người thượng trí, cũng chẳng phải kẻ hạ ngu, thượng trí hạ ngu rất dễ độ, trừ phi không có duyên gặp được, có duyên gặp được thì rất ít người không thành tựu.

Trong tứ vô ngại, chúng ta nói một chữ “pháp”, đối với tất cả pháp không có chương ngại, đây không phải là chuyện dễ. Thứ hai là “nghĩa, nghĩa là lý, đạo lý; thứ ba là “từ”, là biện tài; sau cùng là “nhạo thuyết”, là hoan hỷ nói, khó được! Nếu ba điều trước đều đầy đủ, mà đằng sau không hoan hỷ nói, thì không thể giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh phải hoan hỷ dạy người, coi việc dạy người khác làm niềm vui trong cuộc sống. Không chỉ Phật pháp có, pháp thế gian cũng có, người xưa gọi là: “đắc thiên hạ anh tài nhi lạc dục chi”. Đây là niềm vui lớn nhất của nhân sanh. Nếu trong đó không có niềm vui thì ai mà học nó? Ai chịu làm? Trong đó có niềm vui lớn, có niềm vui chân thật. Vì sao? Vì trong tự tánh vốn có, không phải từ bên ngoài. “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, kiến giải của Khổng Tử là như vậy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 466